ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1337/NQ-UBTVQH15	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ dự toán kinh phí hoạt động của các Đoàn đại biểu Quốc hội năm 2025

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 3188/TTr-VPQH ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Văn phòng Quốc hội và Báo cáo thẩm tra số 2745/BC-UBTCNS15 ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách về phương án phân bổ dự toán kinh phí hoạt động của các Đoàn đại biểu Quốc hội năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán kinh phí hoạt động năm 2025 cho các Đoàn đại biểu Quốc hội (Chi hoạt động của cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể - Kinh phí không thực hiện tự chủ) là: 189.964 triệu đồng theo Biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Giao Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội thực hiện ra Quyết định giao dự toán kinh phí năm 2025 của các Đoàn đại biểu Quốc hội cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xem xét, quyết định việc điều chỉnh dự toán cho Đoàn đại biểu Quốc hội đối với các nhiệm vụ chưa bố trí dự toán và các nhiệm vụ được giao bổ sung, điều chỉnh trong năm 2025.

Điều 3. Giao Văn phòng Quốc hội rà soát, bảo đảm tính chính xác của nội dung, thông tin, số liệu trong phương án phân bổ dự toán kinh phí hoạt động của các Đoàn đại biểu Quốc hội năm 2025; tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi và các điều kiện bổ sung, điều chỉnh dự toán, giao dự toán theo đúng quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí được phân bổ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; bảo đảm triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích, không để xảy ra thất thoát, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Mẫn

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

PHÂN BỔ DỰ TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 1337 /NQ-UBTVQH15 ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Chương 002 - Loại 340 - Khoản 341

ĐVT: Triệu đồng

STT	ĐOÀN ĐBQH	NĂM 2025			
		TỔNG SỐ	KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ		
			TỔNG SỐ	QUỸ TIỀN THƯỞNG	TRONG ĐÓ: CHI THUÊ CHUYÊN GIA
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	**189.964**	**189.964**	**1.132**	**17.750**
1	An Giang	3.170	3.170	16	350
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	2.437	2.437	17	250
3	Bạc Liêu	2.458	2.458	21	200
4	Bắc Giang	3.102	3.102	21	250
5	Bắc Kạn	2.624	2.624	13	250
6	Bắc Ninh	2.935	2.935	17	300
7	Bến Tre	2.571	2.571	17	200
8	Bình Dương	3.841	3.841	14	450
9	Bình Định	2.849	2.849	18	300
10	Bình Phước	2.323	2.323	13	150
11	Bình Thuận	2.477	2.477	13	150
12	Cà Mau	2.475	2.475	20	200
13	Cao Bằng	2.737	2.737	20	250
14	Đắk Lắk	3.000	3.000	14	300
15	Đắk Nông	2.654	2.654	19	200
16	Điện Biên	2.618	2.618	15	250
17	Đồng Nai	4.001	4.001	17	400

STT	ĐOÀN ĐBQH	NĂM 2025			
		TỔNG SỐ	KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ		
			TỔNG SỐ	QUỸ TIỀN THƯỞNG	TRONG ĐÓ: CHI THUÊ CHUYÊN GIA
1	2	3	4	5	6
18	Đồng Tháp	2.935	2.935	20	300
19	Gia Lai	2.870	2.870	13	200
20	Hà Giang	2.425	2.425	18	150
21	Hà Nam	2.491	2.491	17	150
22	Hà Tĩnh	2.925	2.925	21	250
23	Hải Dương	2.886	2.886	16	200
24	Hậu Giang	2.333	2.333	17	150
25	Hòa Bình	2.431	2.431	17	200
26	Hưng Yên	2.494	2.494	17	150
27	Khánh Hoà	2.634	2.634	20	250
28	Kiên Giang	3.307	3.307	18	350
29	Kon Tum	2.672	2.672	19	250
30	Lai Châu	2.443	2.443	17	200
31	Lạng Sơn	2.426	2.426	17	200
32	Lào Cai	2.775	2.775	20	250
33	Lâm Đồng	2.683	2.683	20	200
34	Long An	2.907	2.907	14	250
35	Nam Định	3.079	3.079	17	350
36	Nghệ An	4.712	4.712	38	350
37	Ninh Bình	2.550	2.550	14	200
38	Ninh Thuận	2.609	2.609	15	300
39	Phú Thọ	2.905	2.905	19	250
40	Phú Yên	2.559	2.559	14	250
41	Quảng Bình	2.416	2.416	19	150
42	Quảng Nam	2.772	2.772	17	200

STT	ĐOÀN ĐBQH	NĂM 2025			
		TỔNG SỐ	KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ		
			TỔNG SỐ	QUỸ TIỀN THƯỞNG	TRONG ĐÓ: CHI THUÊ CHUYÊN GIA
1	2	3	4	5	6
43	Quảng Ngãi	2.759	2.759	17	200
44	Quảng Ninh	3.186	3.186	17	300
45	Quảng Trị	2.723	2.723	22	250
46	Sóc Trăng	2.820	2.820	17	300
47	Sơn La	3.033	3.033	15	250
48	Tây Ninh	2.517	2.517	12	250
49	Thái Bình	3.232	3.232	17	300
50	Thái Nguyên	2.914	2.914	22	200
51	Thanh Hoá	5.006	5.006	35	400
52	Thừa Thiên-Huế	2.910	2.910	17	300
53	Tiền Giang	2.981	2.981	15	250
54	TP Cần Thơ	2.833	2.833	15	250
55	TP Đà Nẵng	2.300	2.300	15	200
56	TP Hà Nội	8.400	8.400	35	1.100
57	TP Hải Phòng	3.959	3.959	20	500
58	TP Hồ Chí Minh	7.952	7.952	20	1.300
59	Trà Vinh	2.708	2.708	19	250
60	Tuyên Quang	2.620	2.620	17	200
61	Vĩnh Long	2.357	2.357	12	250
62	Vĩnh Phúc	2.566	2.566	17	250
63	Yên Bái	2.677	2.677	17	250

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng